



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 0600019436 ngày 02 tháng 11 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0600019436 ngày 02 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch (từ ngày 24/4/2015)
Ông Phạm Duy Hạnh	Chủ tịch (đến ngày 23/4/2015)
Ông Ngô Quốc Nam	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
Ông Trần Ngọc Khanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc (từ ngày 7/5/2015)
Ông Ngô Quốc Nam	Tổng Giám đốc (đến ngày 6/5/2015)
Ông Trần Ngọc Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Cường Lân	Giám đốc Điều hành (đến ngày 31/8/2015)
Ông Nguyễn Văn Miêng	Giám đốc Điều hành (đến ngày 6/5/2015)

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định **Báo cáo của Ban Giám đốc**

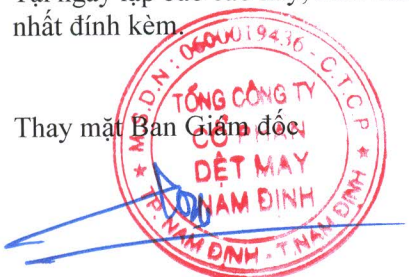
Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 28 tháng 3 năm 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473-e



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		552.297.361.387	509.487.465.052
Tiền	110	5	11.007.260.158	20.212.837.137
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.300.000.000	140.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	140.300.000.000	140.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		120.396.771.379	104.612.704.179
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	99.342.872.212	92.104.185.857
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.582.789.069	11.999.827.843
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.430.219.200	5.332.780.146
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.959.109.102)	(4.824.089.667)
Hàng tồn kho	140	10	269.287.533.498	237.586.069.461
Hàng tồn kho	141		271.270.533.554	245.120.990.506
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.983.000.056)	(7.534.921.045)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.305.796.352	6.775.854.275
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		311.975.171	285.367.555
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.370.581.815	3.365.909.049
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(a)	1.623.239.366	3.124.577.671
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		365.612.228.598	325.315.283.292
Tài sản cố định	220		210.080.132.387	189.529.528.679
Tài sản cố định hữu hình	221	11	210.080.132.387	189.529.528.679
Nguyên giá	222		802.947.145.348	807.170.849.631
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(592.867.012.961)	(617.641.320.952)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		68.000.000	68.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.000.000)	(68.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.837.800.663	8.063.504.670
Nguyên giá	231		12.441.222.258	12.147.902.351
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.603.421.595)	(4.084.397.681)
Tài sản dở dang dài hạn	240		109.223.586.194	90.786.372.108
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	109.223.586.194	90.786.372.108
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	26.480.065.155	26.506.020.380
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		24.703.462.711	24.729.417.936
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.776.602.444	1.776.602.444
Tài sản dài hạn khác	260		11.990.644.199	10.429.857.455
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	10.425.089.888	8.821.898.479
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.565.554.311	1.607.958.976
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		917.909.589.985	834.802.748.344

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		751.156.180.474	672.620.352.484
Nợ ngắn hạn	310		606.676.878.814	527.200.913.039
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	99.972.608.993	114.935.295.814
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.893.026.162	1.669.530.001
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(b)	1.774.651.080	4.828.988.528
Phải trả người lao động	314		18.411.324.565	30.731.066.896
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.011.403.728	4.294.368.905
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.626.549.616	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	63.748.065.101	67.180.339.890
Vay ngắn hạn	320	19(a)	410.983.137.414	301.431.159.830
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	2.256.112.155	2.130.163.175
Nợ dài hạn	330		144.479.301.660	145.419.439.445
Phải trả dài hạn khác	337		1.282.923.822	-
Vay dài hạn	338	19(b)	143.196.377.838	145.419.439.445
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		166.753.409.511	162.182.395.860
Vốn chủ sở hữu	410	21	166.753.409.511	162.182.395.860
Vốn cổ phần	411	22	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.084.748.054	17.654.068.756
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	421		4.809.301.814	(6.450.338.107)
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11.193.460.468)	(19.241.785.405)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.002.762.282	12.791.447.298
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.871.535.131	14.990.840.699
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		917.909.589.985	834.802.748.344

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	779.724.376.609	826.656.402.172
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	341.155.574	1.290.194.874
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	779.383.221.035	825.366.207.298
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	706.622.904.255	759.652.890.434
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		72.760.316.780	65.713.316.864
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	10.056.929.207	10.489.601.479
Chi phí tài chính	22	28	29.904.957.377	30.471.116.663
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		22.862.397.089	26.273.051.363
Phần lãi trong công ty liên kết	24		429.337.410	379.177.874
Chi phí bán hàng	25	29	12.250.650.229	16.737.680.892
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	21.163.981.979	36.396.917.767
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		19.926.993.812	(7.023.619.105)
Thu nhập khác	31	31	3.335.503.614	24.332.509.988
Chi phí khác	32		565.724.400	1.119.785.599
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.769.779.214	23.212.724.389
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.696.773.026	16.189.105.284
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	3.925.352.695	3.484.367.642
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52		42.404.665	(1.219.022.323)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		18.729.015.666	13.923.759.965
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		17.233.592.837	12.791.447.298
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.495.422.829	1.132.312.667
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.267	941

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Nguyễn Thị Hạnh
Người lập

Người duyệt:

Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	22.696.773.026	16.189.105.284
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	29.203.045.391	30.656.920.950
Các khoản dự phòng	03	(5.416.901.554)	4.007.680.817
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.308.761.690	314.976.434
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.528.007.633)	(31.725.160.175)
Chi phí lãi vay	06	22.862.397.089	26.273.051.363
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	61.126.068.009	45.716.574.673
Biến động các khoản phải thu	09	(16.411.628.920)	(18.659.855.827)
Biến động hàng tồn kho	10	(26.149.543.048)	(21.869.064.834)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(33.098.166.262)	(15.988.827.357)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.217.848.852)	(674.494.487)
		(15.751.119.073)	(11.475.667.832)
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.756.865.203)	(26.194.469.281)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.090.462.395)	(7.997.517.015)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.218.965.602)	(842.471.468)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(42.817.412.273)	(46.510.125.596)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(73.394.763.920)	(37.939.960.796)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	3.513.703.188	32.947.767.288
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(8.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	6.102.144.630	6.870.877.592
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(63.778.916.102)	(6.121.315.916)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	693.920.779.992	627.068.988.689
Tiền trả nợ gốc vay	34	(587.157.398.459)	(546.338.844.935)
Tiền trả cổ tức	36	(9.372.630.137)	(16.890.799.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	97.390.751.396	63.839.344.454
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(9.205.576.979)	11.207.902.942
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	20.212.837.137	9.008.281.603
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(3.347.408)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 5	11.007.260.158	20.212.837.137

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất, gia công và kinh doanh: sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chăn, khăn cotton, quần áo may sẵn, giấy và các sản phẩm liên quan đến bia các tông;
- Kinh doanh vật tư, hóa chất, thuốc nhuộm, linh kiện điện tử viễn thông và phụ tùng dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, siêu thị, cho thuê văn phòng, nhà ở và các công trình phục vụ mục đích kinh doanh;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông vận tải, thủy lợi và cơ sở hạ tầng;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, cho thuê thiết bị xây dựng, lắp đặt thiết bị phục vụ các công trình xây dựng;
- Khai thác nước sạch phục vụ sản xuất và tiêu dùng công nghiệp;
- Xử lý nước thải và ô nhiễm môi trường;
- Đại lý vận tải, cung cấp dịch vụ kho bãi, cung cấp dịch vụ bốc dỡ hàng hóa và dịch vụ trông xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, du lịch lữ hành nội địa và các dịch vụ du lịch khác;
- Đào tạo nghề ngắn hạn (dưới 1 năm);
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bán chính viễn thông; và
- Kinh doanh hoạt động văn hóa thể thao: sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu thể thao, nhà biểu diễn văn nghệ và các hoạt động thể thao và giải trí khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là năm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các công ty con và các công ty liên kết sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết		
		31/12/2015	1/1/2015	
Công ty con				
1	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty CP Chi khâu Dệt May Nam Định (*)	Sản xuất sợi chỉ và bán buôn, bán lẻ chỉ khâu và phụ liệu may.	-	51,67%
3	Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	88,19%	88,19%
4	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp Dệt May Nam Định (*)	Sản xuất kinh doanh vải, sợi và quần áo may sẵn.	-	82,00%
5	Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	86,34%	86,34%
6	Công ty CP May III Dệt May Nam Định (*)	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	-	80,57%
7	Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	53,46%	53,46%
8	Công ty CP Dệt Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	90,88%	90,88%
9	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	78,65%	78,65%
10	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi và quần áo may sẵn.	86,88%	86,88%
Công ty liên kết				
1	Công ty CP May I Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	41,82%	41,82%
2	Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	30,00%

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã nhận sáp nhập các công ty con này.

Các công ty con và các công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 3.254 nhân viên (1/1/2015: 3.506 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tổng Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh 4(b)).
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(r)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 50 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 50 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí thuê máy móc và thiết bị

Chi phí thuê máy móc và thiết bị gồm tiền thuê máy móc trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng máy móc thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê máy móc.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc xác định rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận phân chia theo hoạt động kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may bao gồm sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chăn, khăn cotton, quần áo may sẵn, và một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(t) Các bên liên quan**

Một bên được coi là liên quan đến đơn vị lập báo cáo nếu:

- Trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian mà bên hoặc các bên đó: kiểm soát, hoặc bị kiểm soát, hoặc dưới quyền kiểm soát chung với đơn vị lập báo cáo (gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng Tổng Công ty); có lợi ích ở đơn vị lập báo cáo cho phép có ảnh hưởng đáng kể tới đơn vị lập báo cáo; hoặc có quyền đồng kiểm soát đối với đơn vị lập báo cáo (a);
- Bên đó là công ty liên kết (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 7, Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết) của đơn vị lập báo cáo (b);
- Bên đó là một liên doanh (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 8, Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh) trong đó đơn vị lập báo cáo là bên góp vốn liên doanh (c);
- Bên đó là một thành viên quản lý chủ chốt của đơn vị lập báo cáo hay của công ty mẹ của đơn vị lập báo cáo (d);
- Bên đó là một thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào (e) đã được nêu ở đoạn (a) hay (d); hoặc
- Bên đó là một đơn vị bị kiểm soát, bị đồng kiểm soát hay bị ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc một phần đáng kể quyền biểu quyết đối với đơn vị đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, thuộc quyền của bất kỳ các cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (d) hoặc (e).

5. Tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	1.568.043.266	1.632.685.822
Tiền gửi ngân hàng	9.439.216.892	18.580.151.315
	11.007.260.158	20.212.837.137

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	140.300.000.000	140.300.000.000	140.300.000.000	140.300.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất 4,8% (2014: 6,5%) một năm tại một ngân hàng

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015				1/1/2015					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công liên kết										
• Công ty CP May I Dệt May Nam Định	41,82%	41,82%	3.456.843.191	-	-	41,82%	41,82%	3.422.034.606	-	-
• Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	21.246.619.520	-	-	36,92%	36,92%	21.307.383.330	-	-
			<u>24.703.462.711</u>	-	-			<u>24.729.417.936</u>	-	-
▪ Đơn vị khác										
• Công ty CP Bông Miền Bắc			428.047.444	-	-			428.047.444	-	-
• Ngân hàng TMCP Công thương			1.348.555.000	-	-			1.348.555.000	-	-
			<u>1.776.602.444</u>	-	-			<u>1.776.602.444</u>	-	-
			<u>26.480.065.155</u>	-	(*)			<u>26.506.020.380</u>	-	(*)

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	3.475.186.620	16.820.596.079
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	95.867.685.592	75.283.589.778
	<hr/>	<hr/>
	99.342.872.212	92.104.185.857
	<hr/>	<hr/>

8. Phải thu ngắn hạn khác

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	-	341.275.000
Phải thu tiền lãi	3.319.733.451	1.630.639.673
Phải thu khác	12.110.485.749	3.360.865.473
	<hr/>	<hr/>
	15.430.219.200	5.332.780.146
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2015			1/1/2015			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Từ 1 đến 2 năm	3.673.951.865	(1.836.975.933)	1.836.975.932	Từ 6 tháng đến 2 năm	4.073.951.865	(1.618.620.354)	2.455.331.511
Textile International N.V	Trên 3 năm	318.704.241	(318.704.241)	-	Trên 3 năm	301.612.041	(301.612.041)	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Dung	Từ 1 đến 2 năm	218.515.062	(109.257.531)	109.257.531	Dưới 1 năm	618.518.611	(107.248.418)	511.270.193
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu và Thương mại	Từ 1 đến 2 năm	145.535.654	(72.767.827)	72.767.827	-	-	-	-
Dịch vụ Xuân Hồng	Từ 1 đến 2 năm	105.067.911	(52.533.956)	52.533.955	-	-	-	-
Công ty TNHH Dệt May và Thương mại Duy Trang	Từ 1 đến 2 năm	203.733.779	(101.866.890)	101.866.889	Từ 1 đến 2 năm	128.708.699	(64.354.350)	64.354.349
Khác	Trên 2 năm	103.101.456	(72.171.019)	30.930.437	Trên 2 năm	242.265.546	(169.585.882)	72.679.664
Khác	Trên 3 năm	2.394.831.705	(2.394.831.705)	-	Trên 3 năm	2.562.668.622	(2.562.668.622)	-
		7.163.441.673	(4.959.109.102)	2.204.332.571		7.927.725.384	(4.824.089.667)	3.103.635.717

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi –
ngắn hạn

(4.959.109.102)

(4.824.089.667)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	8.219.309.353	-	825.550.510	-
Nguyên vật liệu	52.275.286.962	-	55.782.173.870	-
Công cụ và dụng cụ	203.913.543	-	196.803.561	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.866.703.149	-	61.041.806.641	-
Thành phẩm	100.384.323.862	(1.983.000.056)	92.762.635.394	(7.534.921.045)
Hàng hóa	55.058.088.981	-	34.453.786.865	-
Hàng gửi đi bán	1.262.907.704	-	58.233.665	-
	271.270.533.554	(1.983.000.056)	245.120.990.506	(7.534.921.045)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 5.678 triệu VND hàng thành phẩm (1/1/2015: 37.214 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	116.336.638.577	1.686.320.128	675.168.115.200	13.979.775.726	807.170.849.631
Tăng trong năm	155.543.636	156.600.000	93.229.594	4.129.294.770	4.534.668.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	13.418.341.041	32.429.500	26.593.444.533	8.497.241.433	48.541.456.507
Thanh lý	(511.560.964)	-	(44.042.064.860)	(1.958.043.099)	(46.511.668.923)
Xoá số	(10.394.878.423)	-	(393.281.444)	-	(10.788.159.867)
Số dư cuối năm	119.004.083.867	1.875.349.628	657.419.443.023	24.648.268.830	802.947.145.348
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	66.822.754.702	1.564.478.633	540.561.379.421	8.692.708.196	617.641.320.952
Khấu hao trong năm	3.375.559.019	44.859.017	23.745.459.972	1.518.143.469	28.684.021.477
Thanh lý	(503.430.355)	-	(42.940.910.152)	(1.545.290.854)	(44.989.631.361)
Xoá số	(8.075.416.662)	-	(393.281.445)	-	(8.468.698.107)
Số dư cuối năm	61.619.466.704	1.609.337.650	520.972.647.796	8.665.560.811	592.867.012.961
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	49.513.883.875	121.841.495	134.606.735.779	5.287.067.530	189.529.528.679
Số dư cuối năm	57.384.617.163	266.011.978	136.446.795.227	15.982.708.019	210.080.132.387

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 280.018 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 306.231 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 95.822 triệu VND (1/1/2015: 112.135 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	12.147.902.351
Tăng trong năm	293.319.907
	<hr/>
Số dư cuối năm	12.441.222.258
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	4.084.397.681
Khấu hao trong năm	519.023.914
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.603.421.595
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	8.063.504.670
Số dư cuối năm	7.837.800.663
	<hr/> <hr/>

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	90.786.372.108	90.614.547.487
Tăng trong năm	68.566.776.013	36.406.068.059
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(48.541.456.507)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(694.603.311)	(27.388.125.920)
Thanh lý	-	(8.645.395.970)
Biến động khác	(893.502.109)	(200.721.548)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	109.223.586.194	90.786.372.108
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Xây dựng nhà máy nhuộm và nhà máy động lực	72.719.896.834	50.325.869.201
Xây dựng nhà máy xử lý nước thải	-	17.929.766.685
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hoà Xá	18.325.569.336	18.329.264.068
Các công trình khác	18.178.120.024	4.201.472.154
	109.223.586.194	90.786.372.108

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 4.308 triệu VND (2014: 181 triệu VND).

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê máy móc và thiết bị VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	7.381.322.118	1.440.576.361	8.821.898.479
Tăng trong năm	5.633.577.093	52.144.086	5.685.721.179
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	694.603.311	-	694.603.311
Phân bổ trong năm	(4.268.279.115)	(226.200.828)	(4.494.479.943)
Thanh lý	(282.653.138)	-	(282.653.138)
	9.158.570.269	1.266.519.619	10.425.089.888

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	-	38.080.230.171
Bên thứ ba		
Ecom Agroindustrial Asia Pte Ltd.	17.311.359.685	-
BTG Pactual Commodities (Singapore) Pte. Ltd.	9.300.043.896	-
Agrocorp International Pte Ltd.	-	11.929.759.239
PNK Enterprise Co., Ltd.	-	9.587.469.960
Công ty TNHH Đức Hiếu	14.184.158.752	8.425.718.010
Các nhà cung cấp khác	59.177.046.660	46.912.118.434
	99.972.608.993	114.935.295.814

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phát sinh trong năm VND	Bù trừ với số phải trả VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.124.577.671	(2.045.698.540)	16.469.910	-	1.095.349.041
Thuế thu nhập cá nhân	-	(38.173.377)	-	42.443.312	4.269.935
Các loại thuế khác	-	(140.510.841)	-	164.131.231	23.620.390
	3.124.577.671	(2.224.382.758)	516.469.910	206.574.543	1.623.239.366

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phát sinh trong năm VND	Bù trừ với số phải thu VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được khấu trừ VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.671.377.774	68.191.302.448	500.000.000	(40.643.951.644)	(30.956.514.839)	762.213.739
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.034.963.938	1.879.654.155	16.469.910	(2.090.462.395)	-	840.625.608
Thuế thu nhập cá nhân	24.501.303	604.145.058	-	(608.327.233)	-	20.319.128
Các loại thuế khác	98.145.513	4.836.341.175	-	(4.782.994.083)	-	151.492.605
	4.828.988.528	75.511.442.836	516.469.910	(48.125.735.355)	(30.956.514.839)	1.774.651.080

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí lãi vay	626.535.021	521.003.135
Phí giải phóng mặt bằng (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Chi phí khác	1.384.868.707	773.365.770
	5.011.403.728	4.294.368.905

(*) Phí giải phóng mặt bằng phản ánh số tiền còn lại phải trả cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Nam Định liên quan đến diện tích đất thuê cho nhà máy mới của Tổng Công ty tại Khu công nghiệp Hòa Xá.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	2.661.690.722	7.029.913.069
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	54.477.154.476	54.477.154.476
Cổ tức phải trả	-	695.034.100
Các khoản phải trả khác	6.609.219.903	4.978.238.245
	63.748.065.101	67.180.339.890

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
(a) Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn	271.075.731.830	271.075.731.830	670.703.120.945	(568.192.886.086)	481.560.725	374.067.527.414	374.067.527.414
Vay dài hạn đến hạn trả (19(b))	30.355.428.000	30.355.428.000	22.915.610.000	(16.355.428.000)	-	36.915.610.000	36.915.610.000
	301.431.159.830	301.431.159.830	693.618.730.945	(584.548.314.086)	481.560.725	410.983.137.414	410.983.137.414

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay ngân hàng 1	VND	4% - 9%	279.110.546.827	155.969.398.368
Vay ngân hàng 2	USD	2% - 2,9%	76.703.247.672	96.063.076.409
Vay cá nhân	VND	4,9% - 6,1%	18.253.732.915	19.043.257.053
			374.067.527.414	271.075.731.830

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 62.845 triệu VND (1/1/2015: 80.512 triệu VND).

Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Số dư đầu năm	145.419.439.445	176.188.367.444
Tăng trong năm	23.217.659.047	-
Vay dài hạn đến hạn trả được gia hạn (*)	14.000.000.000	-
Tiền vay hoàn trả trong năm	(2.609.084.373)	(413.499.999)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	83.973.719	-
Số dư cuối năm	180.111.987.838	175.774.867.445
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng (19(a))	(36.915.610.000)	(30.355.428.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	143.196.377.838	145.419.439.445

(*) Khoản vay này thể hiện một phần trong số dư đầu kỳ của tài khoản vay dài hạn đến hạn trả nhưng chưa được trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do ngân hàng thay đổi lịch trả nợ.

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay từ ngân hàng 1	VND	0%	2016	4.200.000.000	8.400.000.000
Vay từ ngân hàng 2	VND	0%	2016	10.320.000.000	20.640.000.000
Vay từ ngân hàng 3	VND	0%	2016	1.943.432.000	3.778.860.000
Vay từ ngân hàng 4	VND	6%	2023	140.000.000.000	140.000.000.000
Vay từ ngân hàng 5	VND	4,85%	2022	14.186.678.684	-
Vay từ ngân hàng 6	VND	6,50%	2022	1.293.796.000	-
Vay từ ngân hàng 7	VND			-	2.586.500.001
Vay từ ngân hàng 8	VND	11%	2020	774.610.000	367.200.000
Vay từ ngân hàng 9	VND	9%	2020	1.126.252.500	-
Vay từ ngân hàng 10	VND	6,50%	2022	4.414.911.210	-
Vay từ ngân hàng 11	VND	7,99%	2018	800.000.000	-
Vay từ ngân hàng 12	VND	10%	2020	1.050.000.000	-
Khoản vay khác	VND		2016	2.307.444	2.307.444
				180.111.987.838	175.774.867.445

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 32.977 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 31.623 triệu VND) (Thuyết minh 11).

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	136.000.000.000	(12.175.488)	9.901.863.778	4.139.464.150	2.841.321.293	15.139.074.424	168.009.548.157
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	12.791.447.298	1.132.312.667	13.923.759.965
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.277.004.718	1.270.684.266	(3.547.688.984)	(131.413.392)	(131.413.392)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(2.018.650.777)	-	(2.018.650.777)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(16.320.000.000)	(1.149.133.000)	(17.469.133.000)
Biến động khác	-	-	103.325.962	(38.274.118)	(196.766.937)	-	(131.715.093)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	136.000.000.000	(12.175.488)	12.282.194.458	5.371.874.298	(6.450.338.107)	14.990.840.699	162.182.395.860
<i>Đã phân loại lại (Thuyết minh 36(a))</i>	-	-	5.371.874.298	(5.371.874.298)	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - đã phân loại lại	136.000.000.000	(12.175.488)	17.654.068.756	-	(6.450.338.107)	14.990.840.699	162.182.395.860
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	17.233.592.837	1.495.422.829	18.729.015.666
Phân bổ vào các quỹ	-	-	488.220.168	-	(332.660.163)	(155.560.005)	-
Phân bổ lại các quỹ	-	-	(4.247.316.720)	-	4.247.316.720	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(1.177.778.918)	(137.869.186)	(1.315.648.104)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(7.480.000.000)	(1.197.596.037)	(8.677.596.037)
Giảm do điều chuyển công ty con	-	-	(981.429.143)	-	(1.567.708.521)	(1.480.356.532)	(4.029.494.196)
Biến động khác	-	-	171.204.993	-	336.877.966	(643.346.637)	(135.263.678)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	136.000.000.000	(12.175.488)	13.084.748.054	-	4.809.301.814	12.871.535.131	166.753.409.511

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

23. Cổ tức

Ngày 24 tháng 4 năm 2015, Đại Hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.480 triệu VND cho các cổ đông (2014: 16.320 triệu VND).

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	77.238	1.734.186.890	35.758	759.707.902

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	128.032.000.000	280.100.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	699.118.346.275	735.892.819.724
▪ Cung cấp dịch vụ	26.328.269.784	14.869.528.301
▪ Dịch vụ gia công	39.973.075.786	853.696.207
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	10.381.192.784	75.040.357.940
▪ Doanh thu khác	3.923.491.980	-
	<hr/> 779.724.376.609	<hr/> 826.656.402.172
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(160.777.920)	(1.210.680.527)
▪ Hàng bán bị trả lại	(180.377.654)	(79.514.347)
	<hr/> (341.155.574)	<hr/> (1.290.194.874)
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 779.383.221.035	<hr/> <hr/> 825.366.207.298

26. Giá vốn hàng bán

	2015	2014
	VND	VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	640.608.999.745	708.516.050.863
Dịch vụ đã cung ứng	16.495.189.234	5.367.677.179
Dịch vụ gia công	42.583.506.903	42.361.526.249
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.409.340.627	229.629.915
Giá vốn khác	3.635.272.514	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.890.595.232	3.178.006.228
	<hr/> 706.622.904.255	<hr/> 759.652.890.434

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	6.901.930.904	8.271.470.222
Cổ tức được chia	548.032.504	195.497.043
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.565.090.001	2.002.121.914
Doanh thu khác	41.875.798	20.512.300
	10.056.929.207	10.489.601.479
	10.056.929.207	10.489.601.479

28. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	22.862.397.089	26.273.051.363
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.112.660.472)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.755.758.656	2.317.955.150
Lãi mua hàng chậm trả	1.264.321.237	-
Chi phí tài chính khác	135.140.867	1.880.110.150
	29.904.957.377	30.471.116.663
	29.904.957.377	30.471.116.663

29. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí vận chuyển	4.339.992.485	6.631.524.038
Chi phí lương	73.265.744	103.486.990
Chi phí đại lý bán hàng	1.837.030.256	3.840.353.894
Chi phí xuất khẩu	3.415.524.952	2.254.717.749
Chi phí khác	2.584.836.792	3.907.598.221
	12.250.650.229	16.737.680.892
	12.250.650.229	16.737.680.892

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lương	14.637.200.012	26.779.385.538
Hoàn nhập trích lập lương nhân viên	(2.114.000.000)	-
Trích lập dự phòng nợ xấu	326.188.640	740.103.661
Chi phí phân bổ trả trước	195.449.909	173.362.256
Chi phí khấu hao	327.785.310	296.619.503
Chi phí khác	7.791.358.108	8.407.446.809
	<hr/>	<hr/>
	21.163.981.979	36.396.917.767
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

31. Thu nhập khác

	2015	2014
	VND	VND
Tiền lãi từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình	2.648.706.815	23.258.192.910
Tiền bồi thường nhận được	28.536.026	191.961.831
Các khoản thu nhập khác	658.260.773	882.355.247
	<hr/>	<hr/>
	3.335.503.614	24.332.509.988
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	413.160.765.068	399.662.110.468
Chi phí nhân công	176.360.588.681	187.411.535.970
Chi phí khấu hao	29.203.045.391	30.656.920.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.639.001.753	130.388.632.173
Chi phí khác	25.810.087.366	42.954.403.025
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	3.925.352.695	3.467.381.269
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	16.986.373
	<hr/> 3.925.352.695	<hr/> 3.484.367.642
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	42.404.665	(1.219.022.323)
	<hr/> 3.967.757.360	<hr/> 2.265.345.319

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.696.773.026	16.189.105.284
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	4.993.290.066	3.561.603.162
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	(16.620.356)	(33.122.031)
Chi phí không được khấu trừ thuế	173.114.170	360.208.546
Thu nhập không bị tính thuế	-	(125.611.869)
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.182.026.520)	(1.514.718.862)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	16.986.373
	<hr/> 3.967.757.360	<hr/> 2.265.345.319

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất được quy định theo luật thuế hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 17.233.592.837 VND (2014: 12.791.447.298 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.600.000 cổ phiếu (2014: 13.600.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2015. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Công ty mẹ – Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Tiền thu từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	-	30.575.311.415
Bán dịch vụ	155.770.803	134.219.304
Mua hàng hoá	3.324.342.000	100.000.000
Chi phí lãi vay	1.835.981.588	381.798.334
Các bên liên quan khác		
Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May		
Bán hàng hóa	3.453.760.500	11.292.149.690
Mua hàng hóa	-	33.618.174.460
Chi phí lãi vay	410.247.797	4.915.683.583
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Góp vốn	-	8.000.000.000
Bán hàng hóa	287.986.258	-
Cổ tức nhận được	-	339.070.957

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tổng Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 (đã phân loại lại)	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	5.332.780.146	4.503.124.984
Tài sản ngắn hạn khác	-	829.655.162
Quỹ đầu tư phát triển	17.654.068.756	12.282.194.458
Quỹ dự phòng tài chính	-	5.371.874.298

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 (đã trình bày lại)	2014 (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Thu nhập khác	24.332.509.988	34.022.084.366
Chi phí khác	1.119.785.599	10.809.359.977

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc